

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/DS-PT

Ngày: 28/3/2017

V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Cán bộ Toà án nhân dân Tỉnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2016/TLPT - DS ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63A/2016/DS-ST ngày 19/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2016/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Nguyễn Phú Q, sinh năm: 1942

1.2 Bạch Thị C, sinh năm: 1943

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C ủy quyền cho ông Vũ Tuấn A, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Đường C, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1 Phạm Văn N, sinh năm: 1936

2.2 Võ Thị B, sinh năm: 1941

2.3 Phạm Hồng X, sinh năm: 1979

2.4 Võ Thị Thúy L, sinh năm: 1981

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn N: Luật sư Phạm Hoàng Đ - Công ty Luật hợp danh A - Chi nhánh Đồng Tháp; Địa chỉ: Quốc lộ B, phường M, Thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Võ Thị B, Võ Thị Thúy L cùng ủy quyền cho ông Phạm Văn N, anh Phạm Hồng X.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện V

Đại diện theo pháp luật là ông Hồ Thanh P, chức vụ: Chủ tịch

3.2 Nguyễn Bạch Thanh C, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn K, huyện T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Nguyễn Bạch Thanh T, sinh năm: 1971

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Nguyễn Bạch Thanh T1, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Đường P, phường T, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự C, T, T cùng ủy quyền cho ông Vũ Tuấn A.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa. Ông Hồ Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Vũ Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Q, bà C và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C, T và T1 trình bày: Thửa đất 102, tờ bản đồ số 38, diện tích 162m² thuộc xã P, huyện V,

tỉnh Đồng Tháp là của ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C sử dụng từ trước đến nay và đã được đứng tên quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/4/2012. Gia đình ông Q và bà Võ Thị B là bà con cô cậu, mẹ bà B là bà Đinh Thị H có mượn bà Nguyễn Thị L là mẹ ông Q một phần đất diện tích khoảng 18m² để ở năm 1972, sau này mượn thêm 28m², tổng cộng mượn để ở là 46m² cũng chung phần đất này thì bà L đồng ý cho mượn và có giao khi nào bà H mất thì trả lại (chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ gì). Gia đình bà B cất nhà ở từ năm 1972 rồi gia đình bà B mở rộng ra ở và sử dụng hiện nay diện tích là 162m², khi đo đạc thực tế ngày 01/7/2016 thì gia đình bà B, ông N ở và sử dụng là 136.7m² thuộc 01 phần thửa 102. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 102 ông Q, bà C đang giữ.

Hộ ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C yêu cầu hộ gia đình ông N, B, X và L trả diện tích 136.7m² thuộc 01 phần thửa 102, tờ bản đồ 38 thuộc xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp và đồng thời di dời nhà và tài sản trên đất đi nơi khác, ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C đồng ý tự nguyện hỗ trợ di dời là 100.000.000đ.

- Ông Phạm Văn N và anh Phạm Hồng X là bị đơn và cũng là người đại diện cho bà Võ Thị B và chị Võ Thị Thúy L cùng trình bày: Gia đình ông N ở trên thửa 102 từ năm 1972 là đúng, nhưng việc hỏi mượn đất với bà L là không có, gia đình ông N lúc đó chưa có đất để ở bà L kêu về cất nhà để ở trên thửa 102, từ năm 1972 gia đình ông về cất nhà và sử dụng diện tích 136.7m² cũng như diện tích bây giờ, có hư mái trái nhà bên hong, gia đình ông có sửa lại nhưng cũng trên diện tích từ trước đến nay, không có lấn chiếm ra thêm. Việc bà L kêu về ở chỉ nói miệng không có giấy tờ gì. Còn phần diện tích bên hong nhà có 01 cái hẻm bề ngang ở đầu ngoài lộ là 1m24 chạy dài ra ngoài sau, tổng diện tích 19.9m² là của ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C sử dụng.

Hộ gia đình ông N mới mua đất thổ của bà Cao Thị Ngọc D 167m² liền kề với đất tranh chấp, diện tích đất vườn 7.800m² đất thuộc xã H và diện tích đất vườn 1.500m² thuộc xã P. Hộ gia đình ông đã có đất ở, gia đình ông N đồng ý trả lại đất, di dời nhà đi, không yêu cầu trả giá trị đất mà yêu cầu gia đình ông Q và bà C phải hỗ trợ di dời 150.000.000đ.

- Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 63A/2016/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện V đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B.

Chấp nhận sự tự nguyện của hộ gia đình ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B trả lại diện tích 136.7m² thửa 102, tờ bản đồ 38, đất thuộc xã P (Theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V lập ngày 01 tháng 7 năm 2016 là tính từ mốc a, b, c, d, M3, M4, M5, M6 trở về a) cho hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C.

Buộc hộ gia đình ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B di dời tất cả các tài sản trên diện tích 136.7m² thửa 102, tờ bản đồ 38 đất thuộc xã P đi nơi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C hỗ trợ tiền di dời các tài sản trên diện tích 136.7m² thửa 102, tờ bản đồ 38 là 100.000.000đ cho hộ gia đình ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B.

Về lệ phí thẩm định đo đạc và định giá: Hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C đã tạm ứng 2.139.000 đồng, nên buộc hộ gia đình ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B trả lại tiền chi phí hợp đồng đo đạc, thẩm định và định giá cho hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C số tiền là 2.139.000 đồng (trong đó gồm: chi phí hợp đồng đo đạc là 1.339.000 đồng, chi phí thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng, chi phí định giá là 300.000 đồng).

Về án phí: Buộc hộ gia đình ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B phải nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q và bà Bạch Thị C 1.012.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 03130 ngày 20/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 10 năm 2016 ông Phạm Văn N, bà Võ Thị B, anh Phạm Hồng X, chị Võ Thị Thúy L là bị đơn kháng cáo không đồng ý

trả đất cho ông Q, bà C như bản án sơ thẩm xử, yêu cầu xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông N, bà B, anh X, chị L kháng cáo không đồng ý trả đất tranh chấp cho ông Q bà C là không có cơ sở, bởi vì:

Nguồn gốc đất trước đây là của bà Nguyễn Thị L là mẹ của ông Q, diện tích tranh chấp là 136,7m², tại thửa số 102, tờ bản đồ số 38, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q ngày 05/4/2012, đất tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Q, bà C với ông N, bà B đều trình bày thống nhất gia đình của ông N sử dụng đất cất nhà ở từ năm 1972 đến nay; ông Q cho rằng bà Đinh Thị H là mẹ của bà B có mượn đất cất nhà ở và được bà L đồng ý cho mượn, thỏa thuận miệng cho sử dụng đến khi nào bà H chết thì trả lại đất, nên nay yêu cầu hộ ông N trả đất; ông N, bà B thì không thừa nhận việc hỏi mượn đất như phía ông Q trình bày, mà do trước đây gia đình của ông bà không có đất ở nên bà L mới kêu về cho cất nhà ở và cũng chỉ nói miệng. Trên thực tế thì ông N và anh X cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh việc bà L cho đất.

Ông Q, bà C thừa nhận gia đình của ông N, bà B cất nhà ở từ năm 1972, trên thực tế thì hộ của ông N đang sử dụng đất diện tích là 136,7m². Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hộ ông N đều thống nhất cho rằng hiện nay cũng có mua đất khác cất nhà ở và vị trí giáp với đất tranh chấp nên điều kiện cất nhà ở cũng thuận tiện, ngoài ra còn có diện tích 7.800m² ở xã H và 1.500m² ở xã P (đều là đất vườn), nên cũng bảo đảm điều kiện sản xuất ổn định kinh tế, vì vậy đồng ý trả đất cho hộ ông Q không yêu cầu trả giá trị đất, mà chỉ yêu cầu hộ ông Q hỗ trợ tiền di dời nhà và tài sản là 150.000.000đ. Việc thỏa thuận thống nhất trả đất không trả giá trị là ý chí tự nguyện của hai bên không trái pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật.

Ông N, bà B, kháng cáo không đồng ý trả đất như sự tự nguyện thỏa thuận tại Tòa án cấp sơ thẩm, vì đất nền nhà mua của bà D là do chị L vợ của anh X đứng tên,

chứ gia đình của ông bà không có đất nào khác. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông N, anh X đều thừa nhận là anh X chung sống với cha mẹ từ nhỏ và sau này cha mẹ già, vợ chồng anh X trực tiếp nuôi cha mẹ cho đến nay; hơn nữa anh X cũng thừa nhận là do cha mẹ già không khả năng lao động mới giao cho anh đứng tên quyền sử dụng đất đối với hai phần đất vườn nói trên. Qua đó cho thấy hộ của ông N có đất ở, có đất vườn để canh tác và vợ chồng anh X, chị L được ông N giao tài sản là để chăm lo cho cha mẹ, do đó việc ông N thay đổi lời khai và không đồng ý trả đất như bản án sơ thẩm xử là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xét đối với yêu cầu hỗ trợ tiền di dời tài sản: Hộ ông N, bà B yêu cầu ông Q hỗ trợ số tiền 150.000.000đ để di dời nhà và tài sản và đã được hộ của ông Q đồng ý hỗ trợ số tiền 100.000.000đ là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, vì theo kết quả định giá tài sản ngày 01/7/2016 thì tài sản trên đất gồm có nhà chính cấp 4, nhà sau, mái trái, mái che và nhà tắm đều là khung gỗ mái tole, tổng giá trị sử dụng còn lại là 66.950.000đ và đất có giá trị thực tế là 34.000.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của hộ ông Q đồng ý trả cho hộ ông N, bà B số tiền 100.000.00đ là có cơ sở.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của hộ ông N trình bày:

Nguồn gốc đất là của bà L cho bà H ở từ năm 1972, bồi đắp sử dụng ổn định cho đến nay là trên 45 năm, đây là ý chí của bà L cho đất và mục đích là để gia đình của ông N giữ vườn cho bà L ở phía sau đất tranh chấp, đồng thời do xuất phát từ mối quan hệ giữa bà L với bà H là bà con cô cậu nên việc cho đất là phù hợp thực tế. Đồng thời nếu phải di dời nhà thì sẽ hư hỏng nên cần phải hỗ trợ tương xứng. Mặt khác, ông Q đăng ký đất là bao trùm lên đất ông N là không phù hợp pháp luật về đất đai, không có ý kiến của ông N nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng trình tự luật định; hiện tại ông N, bà B không có đất nào khác mà đất do vợ chồng anh X và chị L đứng tên quyền dụng đất, nay mối quan hệ trong gia đình giữa ông N, bà B với chị L lại không được tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N sửa bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Luật sư là không có cơ sở như Hội đồng xét xử phân tích trên, nên không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát Trình ý kiến về giải quyết vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án đến xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Luật sư và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q, bà Bạch Thị C cho rằng mẹ ông Q là bà Nguyễn Thị L có cho hộ ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị B mượn đất để ở; hộ ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B thì cho rằng bà Lược kêu về ở, hai bên đều nói miệng không có giấy tờ gì.

Hộ ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B thừa nhận thửa 102, tờ bản đồ 38, diện tích $136.7m^2$ thuộc xã TP là của hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q bà Bạch Thị C; hộ ông Q, bà C yêu cầu hộ gia đình ông N, bà B trả lại diện tích $136.7m^2$ thửa 102, tờ bản đồ 38 và di dời tài sản trên đất đi nơi khác và tự nguyện hỗ trợ di dời 100.000.000đ; hộ gia đình ông Phạm Văn N, bà Võ Thị B đồng ý trả lại diện tích $136.7m^2$, không yêu cầu trả giá trị đất mà yêu cầu hỗ trợ di dời các tài sản trên đất là 150.000.000đ.

Các đương sự tự nguyện trả diện tích $136.7m^2$, thửa 102, tờ bản đồ 38 cho hộ gia đình ông Nguyễn Phú Q, bà Bạch Thị C không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận sự tự nguyện.

Theo biên bản thẩm định của Tòa án và biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 01/7/2016 các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà chính cấp 4, nhà sau, mái trái, mái che và nhà tắm đều là khung gỗ và mái tole, tổng trị giá 66.905.000đ; hộ gia đình ông Q tự nguyện hỗ trợ di dời là 100.000.000đ, còn bên hộ gia đình ông N yêu cầu hỗ trợ di dời là 150.000.000đ. Xét thấy tổng giá trị căn nhà của hộ gia đình ông N chưa đến 100.000.000đ nhưng sự tự nguyện của hộ gia đình ông Q hỗ trợ di dời các tài sản trên đất 100.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, còn hộ gia đình ông N yêu cầu hỗ trợ di dời các tài sản trên đất 150.000.000đ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Các bị đơn kháng cáo xin được ở lại phần đất $136.7m^2$ thửa 102, tờ bản đồ 38, đất tọa lạc tại xã TP. Lý do là đã làm nhà ở ổn định từ năm 1972 cho đến nay và ngoài diện tích đất này ra không còn chỗ ở nào khác. Tại biên bản hòa giải ngày 23/9/2016 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/10/2016 các bị đơn thừa nhận: Hộ gia đình của bị đơn mới mua đất thổ của bà Cao Thị Ngọc D $167m^2$ liền kề với đất tranh chấp, diện tích đất vườn $7.800m^2$ thuộc xã H và diện tích đất vườn $1.500m^2$ thuộc xã P, nên

chúng tôi đồng ý trả lại đất, di dời nhà đi, không yêu cầu trả giá trị đất mà yêu cầu gia đình ông Q và bà C phải hỗ trợ di dời 150.000.000đ. Xét thấy, lý do các bị đơn kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63A/2016/DS-ST ngày 19/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện V, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị đơn.

Đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở như đã phân tích trên về phần kháng cáo không đồng ý trả đất nên chấp nhận.

Tuy nhiên để bảo đảm quyền nghĩa vụ của các đương sự khi thi hành án cần phải tuyên án cho rõ ràng và tính lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ giai đoạn thi hành án, do đó chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông N bà B, anh X, chị L, sửa một phần án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 Luật đất đai, Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B, anh Phạm Hồng X, chị Võ Thị Thúy L.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của hộ ông Nguyễn Phú Q, bà Bạch Thị C, Nguyễn Bạch Thanh T (gọi là hộ ông Q).

Chấp nhận sự tự nguyện của hộ ông Phạm Văn N, Võ Thị B, Phạm Hồng X, Võ Thị Thúy L (gọi là hộ ông N) trả lại cho hộ của ông Q, diện tích 136,7m² thửa 102, tờ bản đồ số 38, đất tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí theo sơ đồ tranh chấp ngày 01/7/2016 tính từ mốc a, b, c, d, M3, M4, M5, M6 trở về mốc a (kèm theo sơ đồ tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V lập ngày 01/7/2016).

Buộc hộ ông Phạm Văn N di dời tất cả các tài sản trên diện tích đất 136,7m², thửa 102, tờ bản đồ số 38, đất thuộc xã P đi nơi khác để giao đất cho hộ ông Nguyễn Phú Q.

Hộ ông Nguyễn Phú Q được quyền sử dụng diện tích đất 136,7m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 38 nói trên.

Hộ ông Nguyễn Phú Q phải trả chi phí di dời tài sản cho hộ ông N số tiền 100.000.000đ.

Về chi phí đo đạc:

Buộc hộ ông Phạm Văn N phải trả cho hộ ông Nguyễn Phú Q chi phí đo đạc định giá tài sản số tiền là 2.139.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì sẽ được tính lãi đối với số tiền chưa thi hành, tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

Buộc hộ ông Phạm Văn N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ.

Ông Phạm Văn N và bà Võ Thị B, Phạm Hồng X, Võ Thị Thúy L không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm; ông N, bà B, anh X, chị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo 800.000đ theo biên lai số 05982 ngày 03/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Đồng Tháp.

Hộ ông Nguyễn Phú Q không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho hộ ông Nguyễn Phú Q tiền tạm ứng án phí 1.012.500đ theo biên lai thu số 03130 ngày 20/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Vạng